

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 11 năm 2025

DANH SÁCH
ỨNG VIÊN KHÔNG TRÚNG TUYỂN TẠI KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2025
(Đính kèm Thông báo số 2634/TB-HĐTDVC ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Bệnh viện Mắt)

110

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Vị trí dự tuyển	Khoa/Phòng	TỔ	ĐIỂM TB	ĐIỂM ƯU TIÊN	KẾT QUẢ THI	ghi chú
1	Trần Thị Ngọc Sương	11/11/1994	Bác sĩ Nhân khoa	khoa Tạo hình thẩm mỹ - Thần kinh nhân khoa	3	56,5		56,5	
2	Nguyễn Ngọc Thúy My	03/07/1993	Cán sự hành chính văn phòng	phòng Công tác xã hội	6			0	VẮNG
3	Trần Trung Tuấn	17/10/1985	Chuyên viên quản lý văn thư lưu trữ	phòng Hành chính quản trị	6	47,5		47,5	
4	Đỗ Thị Bích Ngọc	19/03/1991	Chuyên viên quản lý văn thư lưu trữ	phòng Hành chính quản trị	6				VẮNG
5	Hoàng Nhật Thắng	17/11/1991	Chuyên viên tổng hợp phụ trách công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế tại Bệnh viện	Phòng Kế hoạch tổng hợp	5	23,5		23,5	
6	Trần Võ Hữu Chánh	07/12/1993	Chuyên viên về hành chính văn phòng	phòng Hành chính quản trị	6	31,75		31,75	
7	Nguyễn Ngọc Phương Uyên	25/04/2002	Chuyên viên về thi đua khen thưởng	phòng Tổ chức cán bộ	6	37		37	
8	Trần Thị Hà	09/01/1996	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	phòng Tổ chức cán bộ	6	57		57	
9	Trần Thị Thanh Tuyền	19/12/1999	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	phòng Tổ chức cán bộ	6	55		55	
10	Phạm Thụy Thanh Phương	22/11/1983	Công tác xã hội viên	phòng Công tác xã hội	6	23		23	
11	Phạm Thị Sen	10/02/1987	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Cấp cứu	1	73		73	
12	Đỗ Thị Thùy Vân	27/02/2001	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Cấp cứu	1	64		64	
13	Dương Thị Thủy Tiên	23/09/1993	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Cấp cứu	5	52		52	
14	Phạm Thị Thanh Xuân	21/08/1991	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Cấp cứu	1	50,5		50,5	
15	Lê Thị Sự	03/11/1987	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Cấp cứu	1	39,125		39,125	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Vị trí dự tuyển	Khoa/Phòng	TỔ	ĐIỂM TB	ĐIỂM ƯU TIÊN	KẾT QUẢ THI	ghi chú
16	Vũ Thị Như Quỳnh	01/08/1992	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Cấp cứu	1	32		32	
17	Phạm Đàm Hoàng An	26/12/2002	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Cấp cứu	2	29,5		29,5	
18	Đặng Thị Phương Thảo	08/03/1995	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Dịch kính võng mạc	5	37		37	
19	Nguyễn Thị Thu Thủy	26/10/1987	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Gây mê hồi sức	5	65		65	
20	Nguyễn Vương Bích Trâm	19/10/1995	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Gây mê hồi sức	5	61,5		61,5	
21	Trần Thụy Hồng Anh	07/11/1993	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Gây mê hồi sức	2	50,5		50,5	
22	Trần Lê Y Ngọc	25/10/1993	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Gây mê hồi sức	2	45		45	
23	Trần Thị Thu Vân	22/01/1992	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Gây mê hồi sức	1	45		45	
24	Nguyễn Thị Lê Thanh	28/05/1996	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Gây mê hồi sức	1	44		44	
25	Trần Lê Hoài Thương	14/05/1996	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Gây mê hồi sức	5	36		36	
26	Nguyễn Thị Thùy Sa	03/03/1984	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Gây mê hồi sức	1	33		33	
27	Lê Thị Cẩm Tú	23/06/1999	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Gây mê hồi sức	7	20		20	
28	Trần Tú Phân	02/02/1992	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Gây mê hồi sức				0	VẮNG
29	Trần Ngọc Trúc Như	24/06/2001	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Giác mạc	2	47		47	
30	Trần Thị Thu Thủy	26/09/1982	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Giác mạc	5	42,5		42,5	
31	Huỳnh Văn Phi	05/10/1991	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Khám mắt	7	61,75	2,5	64,25	
32	Nguyễn Thị Kim Ngân	10/10/1984	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Khám mắt	2	55		55	
33	Phạm Công Hào Quang	18/11/2001	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Khám mắt	1	54		54	
34	Nguyễn Thị Tố Uyên	10/06/1995	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Khám mắt	1	51,25		51,25	
35	Nguyễn Lê Phương Trúc	15/06/1995	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Khám mắt	7	46,25		46,25	
36	Đoàn Thị Thanh Thảo	02/01/1988	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Khám mắt	5	46		46	
37	Nguyễn Thị Thu Hiền	16/07/1991	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Khám mắt	2	40,5		40,5	
38	Nguyễn Thị Hồng Nga	07/08/1992	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Khám mắt	2	40		40	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Vị trí dự tuyển	Khoa/Phòng	TỔ	ĐIỂM TB	ĐIỂM ƯU TIÊN	KẾT QUẢ THI	ghi chú
39	Nguyễn Đào Tường Vy	29/12/1993	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Khám mắt	1	35		35	
40	Bùi Mộng Thùy Tiên	20/02/1989	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Khám mắt	5	34,5		34,5	
41	Nguyễn Thị Phụng Thắm	07/11/1990	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Khám mắt				0	VẮNG
42	Nguyễn Kim Trúc	01/05/1984	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Khúc xạ	7	20,5		20,5	
43	Tô Thị Kim Thoa	27/12/1995	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Mắt nhi	5	52,5		52,5	
44	Ngô Thị Ngọc Thanh	29/11/1984	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Tổng hợp	1	77,5		77,5	
45	Vưu Văn Lợi	01/03/1993	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Tổng hợp	2	60,5		60,5	
46	Quách Thanh Duy	10/03/1996	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	khoa Tổng hợp	2	53,375		53,375	
47	Nguyễn Thị Thanh Loan	08/09/1988	Điều dưỡng chăm sóc (hạng III)	phòng Điều dưỡng	2	53		53	
48	Lưu Bội Linh	12/06/1997	Điều dưỡng chăm sóc (hạng IV)	khoa Dịch kính võng mạc	1	77		77	
49	Vũ Văn Hiến	23/03/1985	Điều dưỡng chăm sóc (hạng IV)	khoa Dịch kính võng mạc	1	0		0	
50	Huỳnh Thị Sang	09/10/1989	Điều dưỡng chăm sóc (hạng IV)	khoa Dịch kính võng mạc				0	VẮNG
51	Nguyễn Thị Hồng Duyên	09/05/2003	Điều dưỡng chăm sóc (hạng IV)	khoa Giác mạc	1	55,75		55,75	
52	Lâm Bội Châu	05/08/1994	Điều dưỡng chăm sóc (hạng IV)	khoa Giác mạc	5	52,5		52,5	
53	Nguyễn Thị Cẩm Thu	22/05/1984	Điều dưỡng chăm sóc (hạng IV)	khoa Giác mạc	7	37		37	
54	Trần Ngọc Thảo Lam	21/11/1991	Điều dưỡng chăm sóc (hạng IV)	khoa Giác mạc	1	30		30	
55	Lại Văn Phụng	09/06/1994	Điều dưỡng chăm sóc (hạng IV)	khoa Giác mạc	7	0		0	
56	Nguyễn Thị Kim San	16/10/1995	Điều dưỡng chăm sóc (hạng IV)	khoa Giác mạc				0	VẮNG
57	Kiều Công Phát	09/06/2002	Điều dưỡng chăm sóc (hạng IV)	khoa Khúc xạ	1	92		92	
58	Huỳnh Thị Diễm Ni	11/05/2003	Điều dưỡng chăm sóc (hạng IV)	khoa Khúc xạ	1	67		67	
59	Trần Đỗ Phương Quyên	17/04/1996	Điều dưỡng chăm sóc (hạng IV)	khoa Khúc xạ	7	26,75		26,75	
60	Đinh Võ Phương Chi	25/02/1991	Điều dưỡng chăm sóc (hạng IV)	khoa Khúc xạ	5	22,75		22,75	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Vị trí dự tuyển	Khoa/Phòng	TỔ	ĐIỂM TB	ĐIỂM ƯU TIÊN	KẾT QUẢ THI	ghi chú
61	Trần Thị Anh	27/11/1983	Điều dưỡng chăm sóc (hạng IV)	khoa Khúc xạ				0	VẮNG
62	Nguyễn Minh Luân	20/06/1995	Điều dưỡng chăm sóc (hạng IV)	khoa Tổng hợp	1	86,5		86,5	
63	Nguyễn Ngọc Thanh Thảo	17/02/1996	Điều dưỡng chăm sóc (hạng IV)	khoa Tổng hợp	7	85		85	
64	Vũ Thị Thái Quyên	08/07/1998	Điều dưỡng chăm sóc (hạng IV)	khoa Tổng hợp	7	15,875		15,875	
65	Phan Thị Hồng Ngọc	05/04/1993	Điều dưỡng chăm sóc (hạng IV)	khoa Tổng hợp				0	VẮNG
66	Mai Quỳnh Nga	10/07/2002	Điều dưỡng chuyên ngành gây mê hồi sức	khoa Gây mê hồi sức	3	75		75	
67	Nguyễn Thị Thủy Tiên	07/11/1988	Điều dưỡng chuyên ngành gây mê hồi sức	khoa Gây mê hồi sức	3	70		70	
68	Tiên Hồng Ngọc	19/08/1995	Điều dưỡng chuyên ngành gây mê hồi sức	khoa Gây mê hồi sức	3	65		65	
69	Nguyễn Ngọc Hải	29/3/1988	Điều dưỡng chuyên ngành gây mê hồi sức	khoa Gây mê hồi sức	3	62,5		62,5	
70	Tô Nguyễn Văn Nhi	07/6/1990	Điều dưỡng chuyên ngành gây mê hồi sức	khoa Gây mê hồi sức	3	60		60	
71	Nguyễn Thị Huyền Trang	26/01/2000	Điều dưỡng chuyên ngành gây mê hồi sức	khoa Gây mê hồi sức	3	50		50	
72	Nguyễn Lưu Như Phượng	24/02/2000	Điều dưỡng chuyên ngành gây mê hồi sức	khoa Gây mê hồi sức	3	25		25	
73	Trịnh Thu Thủy	20/08/1996	Điều dưỡng chuyên ngành gây mê hồi sức	khoa Gây mê hồi sức	3	25		25	
74	Nguyễn Thị Kiều Phương	17/09/2002	Điều dưỡng chuyên ngành gây mê hồi sức	khoa Gây mê hồi sức	3	15		15	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Vị trí dự tuyển	Khoa/Phòng	TỔ	ĐIỂM TB	ĐIỂM ƯU TIÊN	KẾT QUẢ THI	ghi chú
75	Nguyễn Chí Hào	19/07/1993	Điều dưỡng đo khúc xạ, lắp ráp kính tại Phòng kính, khoa Khúc xạ	khoa Khúc xạ, phòng kính	4	50		50	
76	Mai Thị Thảo My	20/08/1992	Điều dưỡng đo khúc xạ, lắp ráp kính tại Phòng kính, khoa Khúc xạ	khoa Khúc xạ, phòng kính	4	50		50	
77	Mai Lê Trúc Anh	16/10/2000	Điều dưỡng đo khúc xạ, lắp ráp kính tại Phòng kính, khoa Khúc xạ	khoa Khúc xạ, phòng kính	4	32,5		32,5	
78	Lê Quốc Trí	13/09/1993	Điều dưỡng đo khúc xạ, lắp ráp kính tại Phòng kính, khoa Khúc xạ	khoa Khúc xạ, phòng kính	4	30		30	
79	Võ Ái Lê	13/11/1991	Điều dưỡng đo khúc xạ, lắp ráp kính tại Phòng kính, khoa Khúc xạ	khoa Khúc xạ, phòng kính	4	21		21	
80	Phan Tuyết Phương	06/06/1989	Điều dưỡng đo khúc xạ, lắp ráp kính tại Phòng kính, khoa Khúc xạ	khoa Khúc xạ, phòng kính	4	0		0	
81	Mai Thị Loan	14/02/1993	Điều dưỡng đo khúc xạ, lắp ráp kính tại Phòng kính, khoa Khúc xạ	khoa Khúc xạ, phòng kính				0	VẮNG
82	Nguyễn Quốc Thanh	09/01/1991	Điều dưỡng đo khúc xạ, lắp ráp kính tại Phòng kính, khoa Khúc xạ	khoa Khúc xạ, phòng kính				0	VẮNG
83	Nguyễn Thảo Nguyên	07/02/1990	Dược sĩ phụ trách kho, cấp phát + Pha chế thuốc, kiểm nghiệm, kiểm soát chất lượng thuốc	khoa Dược	5	45		45	
84	Cao Tạ Minh Toàn	30/12/1999	Dược sĩ phụ trách kho, cấp phát + Pha chế thuốc, kiểm nghiệm, kiểm soát chất lượng thuốc	khoa Dược	5	43,5		43,5	
85	Lương Thị Hà Nhi	22/01/1996	Dược sĩ phụ trách kho, cấp phát + Pha chế thuốc, kiểm nghiệm, kiểm soát chất lượng thuốc	khoa Dược	5	30,5		30,5	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Vị trí dự tuyển	Khoa/Phòng	TỔ	ĐIỂM TB	ĐIỂM ƯU TIÊN	KẾT QUẢ THI	ghi chú
86	Nguyễn Thanh Thy	12/01/2000	Dược sĩ phụ trách kho, cấp phát + Pha chế thuốc, kiểm nghiệm, kiểm soát chất lượng thuốc	khoa Dược	5	28		28	
87	Nguyễn Thị Thúy Vy	07/11/1997	Dược sĩ phụ trách kho, cấp phát + Pha chế thuốc, kiểm nghiệm, kiểm soát chất lượng thuốc	Khoa Dược	5	16		16	
88	Mai Hà Thanh	19/10/1997	Dược sĩ phụ trách kho, cấp phát + Pha chế thuốc, kiểm nghiệm, kiểm soát chất lượng thuốc	khoa Dược	5	12,25		12,25	
89	Phùng Kim Ngọc Vân	02/07/1990	Kế toán viện phí, quản lý hóa đơn	phòng Tài chính - Kế toán	6	43		43	
90	Nguyễn Phương Hồng Thùy	27/09/1994	Kế toán viện phí, quản lý hóa đơn	phòng Tài chính - Kế toán	6	37		37	
91	Lê Thảo Trinh	07/02/1999	Kế toán viện phí, quản lý hóa đơn	phòng Tài chính - Kế toán	6	2		2	
92	Lê Ngọc Phương Quỳnh	01/07/2001	Kế toán viện phí, quản lý hóa đơn	phòng Tài chính - Kế toán				0	VẮNG
93	Hồ Lê Nhật Hằng	01/08/2001	Khúc xạ nhãn khoa	khoa Mắt nhi	4	55		55	
94	Lại Thị Quỳnh Vy	06/11/2001	Khúc xạ nhãn khoa	khoa Mắt nhi	4	46		46	
95	Phạm Thị Vân Khanh	06/02/2000	Kỹ thuật Y xét nghiệm	khoa Xét nghiệm	4	55		55	
96	Trương Chấn Kha	12/07/1993	Kỹ thuật Y xét nghiệm	khoa Xét nghiệm	4	52		52	
97	Lê Ngọc Nữ	10/12/1989	Kỹ thuật Y xét nghiệm	khoa Xét nghiệm	4	50		50	
98	Nguyễn Ngọc Hạnh Thảo	23/12/1988	Kỹ thuật Y xét nghiệm	khoa Xét nghiệm	4	45		45	
99	Nguyễn Ngọc Khánh Vy	19/06/1994	Kỹ thuật Y xét nghiệm	khoa Xét nghiệm	4	40		40	
100	Dương Thị Trúc Nguyên	15/06/1999	Kỹ thuật Y xét nghiệm	khoa Xét nghiệm	4	35		35	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Vị trí dự tuyển	Khoa/Phòng	TỔ	ĐIỂM TB	ĐIỂM ƯU TIÊN	KẾT QUẢ THI	ghi chú
101	Phạm Thụy Quỳnh Như	13/07/1999	Kỹ thuật Y xét nghiệm	khoa Xét nghiệm	4	33,5		33,5	
102	Mai Nguyễn Thảo Uyên	06/02/1999	Kỹ thuật Y xét nghiệm	khoa Xét nghiệm	4	25		25	
103	Huỳnh Trọng Tân	13/11/1995	Kỹ thuật Y xét nghiệm	khoa Xét nghiệm	4	22		22	
104	Đỗ Kim Hằng	08/05/2000	Kỹ thuật Y xét nghiệm	khoa Xét nghiệm	4	7		7	
105	Huỳnh Thị Ngọc Đào	08/12/2002	Kỹ thuật Y xét nghiệm	khoa Xét nghiệm				0	VẮNG
106	Nguyễn Thị Thúy Ngọc	30/11/1987	Kỹ thuật Y xét nghiệm	khoa Xét nghiệm				0	VẮNG
107	Lương Minh Toàn	20/04/2000	Kỹ thuật Y xét nghiệm	khoa Xét nghiệm				0	VẮNG
108	Phan Lê Như Quỳnh	20/11/2003	Nhân viên Công tác xã hội	phòng Công tác xã hội				0	VẮNG
109	Nguyễn Vũ Tân	10/5/1993	Nhân viên quản trị công sở - Tổ Điện	phòng Hành chính quản trị	6	13,5		13,5	
110	Lê Dũng Trung Quân	12/03/1985	Nhân viên quản trị công sở - Tổ Điện	phòng Hành chính quản trị					VẮNG

HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC